TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 6 – 2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Ngọc
- Ông Nguyễn Tất Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nguyên Nam – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị S. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm A, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc L. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm A, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại số nhà X đường Golden A, phường NP, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị S và ông Trần Quốc L làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/201x. Việc kết hôn là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Từ khi kết hôn đến năm 2015 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ cuối năm 2016 đến nay mặc dù cùng sống chung với nhau nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Đến nay bà Võ Thị S thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Võ Thị S làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Võ Thị S được ly hôn ông Trần Quốc L

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Võ Thị S và ông Trần Quốc L có 02 (Hai) con chung là Trần Bảo Ng – sinh ngày 13/3/201x, Trần Quốc

Bảo N – sinh ngày 09/7/201x. Ly hôn thì bà Võ Thị S đề nghị Tòa án giao 02 (Hai) con chung cho bà Võ Thị S được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong trường hợp Tòa án giao cho bà Võ Thị S được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung thì bà Võ Thị S đề nghị Tòa án buộc ông Trần Quốc L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/01 tháng/01 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thu thập được lời khai của ông Trần Quốc L.

Tại phần tranh luận: Bà Võ Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị S được ly hôn ông Trần Quốc L.

- Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung là Trần Bảo Ng – sinh ngày 13/3/201x, Trần Quốc Bảo N – sinh ngày 09/7/201x cho bà Võ Thị S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Quốc L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền từ 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) đến 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Võ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật. Buộc ông Trần Quốc L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Trần Quốc L có hộ khẩu thường trú tại A, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Bà Võ Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia tố tụng tại các phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ biên bản xác minh ngày 28/5/2025 và căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định bà Võ Thị S và ông Trần Quốc L làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/2013; việc kết hôn giữa hai người là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa bà Võ Thị S và ông Trần Quốc L là hợp pháp. Bà Võ Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với ông Trần Quốc L nên cần được xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần hòa giải để ông Trần Quốc L và bà Võ Thị S có cơ hội đoàn tụ nhưng do ông Trần Quốc L không tham gia tố tụng tại các phiên họp hòa giải, trong khi bà Võ Thị S vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn nên điều đó cho thấy bà Võ Thị S không còn tình cảm vợ chồng với ông Trần Quốc L, vì vậy căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S và giải quyết cho bà Võ Thị S được ly hôn ông Trần Quốc L.

[4] Về con chung: Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, căn cứ biên bản xác minh ngày 28/5/2025, Hội đồng xét xử xác định trong thời kỳ hôn nhân ông Trần Quốc L và bà Võ Thị S có 02 (Hai) con chung là Trần Bảo Ng (Sinh ngày 13/3/201x), Trần Quốc Bảo N (Sinh ngày 09/7/201x).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quốc L không có ý kiến về việc nuôi con chung. Ly hôn thì bà Võ Thị S đề nghị giao 02 (Hai) con chung cho bà Võ Thị S được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét đề nghị của bà Võ Thị S phù hợp với nguyện vọng của 02 (Hai) con là Trần Bảo Ng, Trần Quốc Bảo N và hiện nay cả 02 (Hai) con đang sống cùng với bà Võ Thị S nên Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung nên cần giao cho bà Võ Thị S được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung cho đến khi đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị S được giao chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung, trong khi ông Trần Quốc L không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con nào, do đó Hội đồng xét xử thấy việc bà Võ Thị S yêu cầu ông Trần Quốc L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ để xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thống nhất được mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số

01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ nên cần buộc ông Trần Quốc L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Võ Thị S với số tiền tương ứng với một phần hai mức lương tối thiểu vùng tại nơi ông Trần Quốc L đăng ký hộ khẩu thường trú là 1.930.000đ (Một triệu, chín trăm, ba mươi nghìn đồng)/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thực hiện từ tháng 7 năm 2025.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Võ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật. Ông Trần Quốc L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị S được ly hôn ông Trần Quốc L.

2. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (Hai) con chung chưa thành niên là Trần Bảo Ng – sinh ngày 13/3/201x, Trần Quốc Bảo N – sinh ngày 09/7/201x cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Quốc L phải có nghĩa vụ giao tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Võ Thị S với số tiền 1.930.000đ (Một triệu, chín trăm, ba mươi nghìn đồng)/01 (Một) tháng, thực hiện từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Võ Thị S được nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung từ ông Trần Quốc L giao với số tiền 1.930.000đ (Một triệu, chín trăm, ba mươi nghìn đồng)/01 (Một) tháng, thực hiện từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Võ Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Võ Thị S đã nạp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003595 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (Đã thi hành xong).

Buộc ông Trần Quốc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã ĐS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà